

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-PT

Ngày 04 - 01 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Xuân Thủy.

Các Thẩm phán: Bà Điều Thị Kim Liên, bà Tòng Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Kiều Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La

- Đại diện Viện kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 07/2023/TLPT-HS ngày 25 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Hà Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 222/2023/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Bị cáo có kháng cáo:

Hà Văn T, sinh năm 1979 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản C, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Công chức xã Q; đảng phái, đoàn thể: Đảng viên Đ đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 43 ngày 06/01/2023 của huyện ủy M; con ông Hà Văn T1, con bà Lò Thị P (Đã chết); vợ Lò Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2023 đến ngày 29/6/2023 được cho tại ngoại. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã H, huyện M, tỉnh Sơn La, người đại diện theo pháp luật là ông Lò Văn H1 – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã H, có mặt.

2. Ông Hà Minh T2, sinh năm 1981, địa chỉ: Bản B, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1967, địa chỉ: Tiểu khu K, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La, có mặt.

2. Ông Phan Quang T3, sinh năm 1976, địa chỉ: Bản M, xã T, huyện V, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Văn T là thủ quỹ UBND xã H, huyện M từ ngày 01/02/2016 đến ngày 01/11/2021. Trong thời gian làm thủ quỹ, T đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, lập không hồ sơ, chứng từ, tự ý chi tiền không đúng quy định gây thất thoát số tiền 143.228.000 đồng nguồn tiền ngân sách cấp cho UBND xã để thực hiện dự án đường G, xã H. Cụ thể như sau:

Thực hiện Kế hoạch 2106/KH-UBND ngày 20/12/2016 của UBND huyện M triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn theo Nghị quyết số 115/2015/NQ-HĐND ngày 10/9/2015 của UBND tỉnh S năm 2017.

Ngày 29/5/2017, UBND huyện M ra quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình số: 1045/QĐ-UBND đối với Công trình đường giao thông nội bản Bó Hiềng, xã H, huyện M (Công trình 1045) và Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình số: 1046/QĐ-UBND đối với Công trình đường giao thông đến bản B, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La (Công trình 1046).

Sau khi có quyết định phê duyệt của UBND huyện M, UBND xã H tiến hành các nội dung để triển khai thi công làm đường đối với 02 công trình nêu trên.

Quá trình thi công làm đường, ngày 12/6/2018 UBND huyện M đã ra quyết định số: 1009/QĐ-UBND phân bổ kinh phí làm đường giao thông theo Nghị quyết số: 115/2015/NQ-HĐND ngày 10/9/2015 của HĐND tỉnh S (Đợt 1 năm 2018). Đối với công trình theo quyết định số: 1045/QĐ-UBND đã phân bổ số tiền 143.228.000 đồng. Đối với công trình theo quyết định số: 1046/QĐ-UBND đã phân bổ số tiền 819.720.000 đồng.

Ngày 20/12/2018, UBND huyện M ra quyết định số: 2937/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện M, điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2018 kinh phí làm đường giao thông nông thôn thực hiện xây dựng nông thôn mới (Đợt 2). Đã phân bổ tiếp cho công trình theo quyết định số: 1046/QĐ-UBND với số tiền 213.616.000 đồng.

Căn cứ quyết định phân bổ kinh phí của UBND huyện M, UBND xã H đã lập hồ sơ rút dự toán ngân sách tại Kho bạc Nhà nước M1 và rút 04 (bốn) lần tiền cụ thể:

Lần 1: Giấy rút dự toán ngân sách số 46 ngày 26/10/2018 rút tiền mặt số tiền 505.998.000 đồng (*Năm trăm linh năm triệu chín trăm chín mươi tám nghìn đồng*) người nhận tiền là Hà Văn T. Nội dung chi trả tiền cước vận chuyển vật liệu làm đường giao thông nông thôn bản Bó Hiềng.

Lần 2: Giấy rút dự toán ngân sách số 42 ngày 29/10/2018 rút tiền mặt số tiền 313.720.000 đồng, người nhận tiền là Hà Văn T. Nội dung chi trả tiền làm đường giao thông nông thôn đến bản Bó Hiềng.

Lần 3: Giấy rút dự toán ngân sách số 43 ngày 29/10/2018 rút tiền mặt số tiền 143.228.000 đồng, người nhận tiền là Hà Văn T. Nội dung chi trả tiền làm đường giao thông nông thôn nội bản Bó Hiềng.

Lần 4: Giấy rút dự toán ngân sách số 59 ngày 30/12/2018 rút tiền mặt số tiền 213.616.000 đồng người nhận tiền là Hà Văn T. Nội dung chi trả tiền cước vận chuyển vật liệu làm đường giao thông nông thôn đến bản Bó Hiềng.

Trên hồ sơ quyết toán đối với 02 (hai) công trình đường giao thông theo quyết định 1045/QĐ-UBND và 1046/QĐ-UBND thì số tiền rút từ ngân sách nhà nước được chi trả bằng 04 phiếu chi tiền đó là:

Phiếu chi ngày 26/10/2018 chi số tiền 200.000.000 đồng, nội dung chi làm đường giao thông nông thôn đến bản Bó Hiềng. Người nhận tiền là Vì Quốc Toàn trưởng bản Ta Lánh, xã H.

Phiếu chi ngày 26/10/2018 chi số tiền 620.234.000 đồng, nội dung chi trả tiền cước vận chuyển + nền đường làm đường giao thông nông thôn đến bản Bó Hiềng. Người nhận tiền là Hà Minh Tồn trưởng bản B, xã H.

Phiếu chi ngày 29/10/2018 chi số tiền 143.228.000 đồng, nội dung chi thanh toán hỗ trợ làm đường giao thôn N. Người nhận tiền là Hà Minh Tồn trưởng bản B, xã H.

Phiếu chi ngày 27/12/2018 chi số tiền 213.616.000 đồng, nội dung chi trả tiền cước vận chuyển vật liệu làm đường giao thông nông thôn đến bản Bó Hiềng. Người nhận tiền là Vì Quốc Toàn trưởng bản Ta Lánh, xã H.

Tuy nhiên trong các phiếu chi nêu trên, thì phiếu chi số tiền 143.228.000 đồng là phiếu chi không do phiếu chi ghi nội dung chi tiền hỗ trợ cho nhân dân bản Bó Hiềng. Nhưng thực tế nhân dân bản Bó Hiềng không được nhận và Hà Văn T đã ký giả chữ ký của người nhận tiền là ông Hà Minh T2 để hoàn tất thủ tục quyết toán. Cụ thể:

Ngày 26/10/2018, sau khi Hà Văn T rút được số tiền 505.998.000 đồng từ Kho bạc Nhà nước M1 thì T đã chi ngay 500.000.000 đồng cho Bùi Thị Thanh N là vợ của Phan Quang T3 (là đơn vị thi công công trình đường giao thông theo Quyết định 1046). Khi chi tiền không làm phiếu chi mà N và T chỉ viết 01 giấy giao nhận tiền với nội dung: “*N nhận tiền làm đường với Hà Văn T là 500.000.000 đồng*”. Sau khi chi tiền xong T có báo cáo lại cho Lò Văn H1. Vì Phan Quang T3 là đơn vị thi công công trình theo quyết định 1046/QĐ-UBND nên sau khi T báo cáo chi tiền như vậy thì H1 nhất trí việc chi tiền của T.

Đến ngày 29/10/2018, Hà Văn T sau khi rút được từ Kho bạc Nhà nước M1 số tiền 143.228.000 đồng và 313.720.000 đồng. Đến ngày 31/10/2018, Hà Văn T đã báo cáo với Lò Văn H1 là chi cho Trần Đức V là đơn vị thi công công trình theo quyết định 1046 số tiền 200.000.000 đồng, có lập phiếu chi ghi ngày

26/10/2018. Hà Văn T chi cho Phan Quang T3 số tiền 231.000.000 đồng, không làm phiếu chi mà chỉ ghi nội dung “*anh Phan Quang T3 nhận số tiền trên vào sổ thu chi tiền mặt của Hà Văn T*”. Khi chi số tiền 231.000.000 đồng cho Phan Quang T3 thì T đã lấy 111.282.000 đồng từ số tiền 143.228.000 đồng của công trình 1045.

Sau khi chi cho Phan Quang T3 02 (hai) lần, lần thứ nhất 500.000.000 đồng, lần thứ hai 231.000.000 đồng, tổng là: 731.000.000 đồng. Nguyễn Thị P1 là Kế toán UBND xã H không được biết lần chi cho Phan Quang T3 231.000.000 đồng nên căn cứ số tiền rút từ kho bạc về chỉ làm Phiếu chi số tiền 620.234.000 đồng.

Ngày 30/12/2018, sau khi rút được từ Kho bạc Nhà nước M1 số tiền 213.616.000 đồng. Đến ngày 02/01/2019, Hà Văn T đã báo cáo Lò Văn H1 chi số tiền 213.616.000 đồng cho Vì Quốc T4. Việc chi tiền có lập phiếu chi ghi ngày 27/12/2020.

Sau khi chi tất cả các lần tiền nêu trên xong, số tiền rút từ Kho bạc Nhà nước M1 còn lại là 31.946.000 đồng Hà Văn T cất vào két sắt của UBND xã H.

Cuối tháng 12/2018, Hà Văn T và Lò Văn H1 nhận được thông tin từ Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện M là công trình đường giao thông theo Quyết định số: 1046/QĐ-UBND chưa có đủ tiền hỗ trợ so với dự toán đã được phê duyệt ban đầu. Do số tiền 143.228.000 đồng là tiền hỗ trợ làm đường của công trình 1045/QĐ-UBND nhưng Hà Văn T không sử dụng để chi trả cho nhân dân bản Bó Hiềng mà đã sử dụng để chi cho Phan Quang T3 thi công công trình 1046, không còn tiền để chi trả cho nhân dân bản Bó Hiềng. Do năm ngân sách đã hết nên Hà Văn T đã giả chữ ký của Hà Minh T2 vào phiếu chi số tiền 143.228.000 đồng để quyết toán với Kho Bạc nhà nước huyện M1.

Sau khi phát hiện việc chi vượt tiền cho Phan Quang T3, Lò Văn H1 đã giao cho Hà Văn T gọi điện thoại cho T3 yêu cầu nộp lại số tiền đã chi vượt là 110.766.000 đồng so với phiếu chi 620.234.000 đồng. Tuy nhiên T3 không có tiền nộp lại với lý do bản Bó Hiềng đang nợ tiền làm đường với T3. Vì để giải quyết việc chi vượt tiền cho Phan Quang T3 nên vào tháng 01/2019 tại trụ sở cũ của UBND xã H ở bản C, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La, Đảng ủy và UBND xã H họp đã thống nhất nội dung “*do UBND xã H đã chi vượt tiền thi công làm đường cho Phan Quang T3 so với phiếu chi là 110.766.000 đồng, trong khi Ban quản lý bản Bó Hiềng đang nợ tiền nhân dân đóng góp làm đường với Phan Quang T3 nên Ban quản lý bản Bó Hiềng có trách nhiệm thu tiền nhân dân đóng góp làm đường và nộp về cho UBND xã H số tiền: 100.000.000 đồng, còn Phan Quang T3 phải nộp về cho UBND xã H số tiền: 10.766.000 đồng.*”

Sau đó do thời gian lâu mà không thấy có tiền hỗ trợ của ngân sách nhà nước đối với công trình theo quyết định 1045/QĐ-UBND để chi trả cho người dân nên Hà Minh T2 – đại diện Ban Q đã hỏi Hà Văn T về tiền hỗ trợ trên. Bởi vì số tiền làm đường của công trình theo quyết định 1045/QĐ-UBND là 143.228.000 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng*) đã được dùng để chi cho Phan Quang T3 nên Hà Văn T đã nói dối Hà

Minh T2 là hiện vẫn chưa có tiền phân bổ về, bao giờ có tiền phân bổ về sẽ gọi Ban quản lý bản lên lấy sau. Tuy nhiên, nhân dân bản Bó Hiềng vẫn chưa được nhận số tiền hỗ trợ nêu trên nên Hà Minh T2 đã có đơn trình báo đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M điều tra làm rõ.

Đến ngày 25/02/2021, Ban Q (trực tiếp là Vì Quốc Toàn – Trưởng bản và Ngân Văn X – Bí thư chi bộ bản) căn cứ nội dung cuộc họp thống nhất trước đó đã thu được tiền nhân dân đóng góp làm đường và nộp lại cho UBND xã H số tiền 60.000.000 đồng. Hà Văn T là người nhận số tiền trên đã báo cáo lại cho Lò Văn H1. Đồng thời T gộp chung số tiền 60.000.000 đồng nêu trên vào khoản 31.946.000 đồng, còn lại trước đó thành 91.946.000 đồng cất tại két sắt của UBND xã H.

Hà Văn T khai nhận số tiền trên sau đó Lò Văn H1 đã chỉ đạo T lấy ra chi đền bù thiệt hại vụ việc đơn thư của bà Vì Thị C với số tiền là 50.743.000 đồng. Tuy nhiên Lò Văn H1 khai số tiền đền bù này là tiền cá nhân của Lò Văn H1 chứ không phải lấy từ tiền hỗ trợ của công trình đường giao thông nông thôn. Ngày 29/6/2023 Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Lò Văn H1 và Hà Văn T. Kết quả H1 và T giữ nguyên lời khai, mặt khác việc H1 và T giao nhận số tiền trên tại phòng làm việc của H1, không làm giấy tờ giao nhận tiền và không có ai chứng kiến, nên không có căn cứ chứng minh việc H1 chỉ đạo T lấy tiền chi trái quy định.

Ngày 01/12/2021, Hà Văn T được điều động đến công tác tại UBND xã Q, huyện M. Sau khi có quyết định điều động, Hà Văn T đã tiến hành bàn giao sổ sách, nhưng Hà Văn T không bàn giao số tiền 91.946.000 đồng (*Chín mươi một triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

Tại cáo trạng số 171/CT-VKS ngày 17/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Hà Văn T về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 222/2023/HSST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 356; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hà Văn T phạm tội: Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Xử phạt bị cáo Hà Văn T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Hà Văn T đi thi hành hình phạt tù, nhưng được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2023 đến ngày 29/6/2023.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Hà Văn T đảm nhiệm chức vụ trong cơ quan Nhà nước trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/9/2023 bị cáo Hà Văn T có đơn kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 222/2023/HSST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, với nội dung: Bị cáo Hà Văn T xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét trách nhiệm của ông Lò Văn H1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện M và bà Nguyễn Thị P1 - Kế toán Ủy ban nhân dân xã H, huyện M.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 356; Điều 36; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, việc cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội không gây ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm. Do vậy, đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hà Văn T sửa bản án sơ thẩm chuyển hình phạt chính từ tù có thời hạn sang cải tạo không giam giữ. Xử phạt bị cáo 24 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 531 ngày (177 ngày bị tạm giữ, tạm giam x 3 = 531 ngày). Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

Giao bị cáo Hà Văn T cho UBND xã H, huyện M, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền xã H, huyện M trong việc giám sát, giáo dục.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Hà Văn T đảm nhiệm chức vụ trong cơ quan Nhà nước trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên và xin giảm nhẹ hình phạt, xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 21 tháng 9 năm 2023 bị cáo Hà Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được cải tạo tại địa phương và đề nghị xem xét trách nhiệm của ông Lò Văn H1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện M và bà Nguyễn Thị P1 - Kế toán Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, hình thức, nội dung đơn kháng cáo được thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét, xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo Hà Văn T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp và đồng nhất với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thể hiện:

Từ ngày 01/02/2016 đến ngày 01/11/2021 Hà Văn T là công chức địa chính xây dựng, kiêm thủ quỹ xã H đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ trong việc chi trả kinh phí từ ngân sách Nhà nước đối với công trình giao thông nông thôn theo Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng số 1045/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND huyện M, Hà Văn T biết rõ công trình giao thông nông thôn theo quyết định 1045 nhân dân bản Bó Hiêng, xã H tự đóng góp tiền để thi công trước, còn tiền Ngân sách Nhà nước sẽ hỗ trợ chi trả sau. Tuy nhiên khi rút số tiền 143.228.000 đồng từ kho bạc H2 đã tự ý chi trả không đúng quy định số tiền 111.282.000 đồng từ số tiền trên cho Phan Quang T3 không phải là đơn vị thi công công trình 1045, đồng thời giả chữ ký của Hà Minh T2 trên phiếu chi số tiền 143.228.000 đồng để hoàn tất quyết toán. Hậu quả khiến người dân của công trình 1045 không được thụ hưởng số tiền 143.228.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử tuyên bố bị cáo Hà Văn T đã phạm tội: Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ, được quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[3] Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền gây thiệt hại để khắc phục hậu quả, bản thân bị cáo có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương được tặng nhiều giấy khen là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy năm 2021 bị cáo Hà Văn T được Chủ tịch UBND tỉnh S tặng Bằng khen đã có nhiều thành tích trong xây dựng xã

H đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng bổ sung đối với bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Hà Văn T xuất trình bổ sung đơn xin giảm nhẹ hình phạt của ông Hà Minh T2 - Trưởng bản Bó Hiêng, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La và đơn xin cải tạo tại địa phương trong đơn bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn phải nuôi bố già thường xuyên ốm đau, vợ bị cáo đi làm thuê công việc không ổn định; bị cáo là lao động chính của gia đình nuôi 02 con nhỏ đã được chính quyền địa phương xác nhận.

Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại cộng đồng dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe và đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt đồng thời cũng là thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Việt Nam đối với người phạm tội biết ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của bản thân. Phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cải tạo tại địa phương của bị cáo. Hiện tại hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn là lao động chính trong gia đình, nên cần miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Hà Văn T đề nghị xem xét trách nhiệm của ông Lò Văn H1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện M và bà Nguyễn Thị P1 - Kế toán Ủy ban nhân dân xã H, huyện M.

[4.1] Đối với ông Lò Văn H1

Ông Lò Văn H1 (SN: 1976, nơi thường trú: Bản C, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La) là Phó bí thư Đảng ủy - Chủ tịch UBND xã H; Trưởng ban Q1 mới xã H, huyện M. Quá trình điều tra, ông Lò Văn H1 do tin tưởng bị can Hà Văn T, mặt khác bận nhiều công việc chuyên môn nên thiếu đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc duyệt chi quyết toán khi không kiểm tra cụ thể nên không phát hiện được hành vi chi tiền trái quy định của bị can Hà Văn T. Tuy nhiên, việc Hà Văn Trình tự ý chi không có phiếu chi, cả hai lần Trình chi tiền trái quy định cho anh Phan Quang T3 thì đều chi xong mới báo cáo với ông Lò Văn H1. Việc ông H1 ký duyệt các chứng từ, tài liệu quyết toán không đảm bảo hợp lệ, hợp pháp đều được ký sau khi đã biết Trình chi sai, mục đích để quyết toán công trình. Do đó hành vi của ông Lò Văn H1 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại Khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự hay tội phạm khác.

Tuy nhiên với trách nhiệm là Chủ tịch UBND xã H và chủ đầu tư trực tiếp quản lý công trình, ông Lò Văn H1 thiếu đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc quản lý ngân sách được giao và duyệt chi quyết toán; chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình theo quy định Khoản 3 Điều 36 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Khoản 11 Điều 31 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và Khoản 3, 4 Điều 50 Luật kế toán năm 2015; Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 12/12/2016 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 16 Thông tư 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ T5. Ngày 15/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã ban hành văn bản đề nghị Chủ tịch UBND huyện M

xem xét xử lý sai phạm của ông Lò Văn H1 theo quy định.

[4.2] Đối với Nguyễn Thị Phúc

Bà Nguyễn Thị Phúc (Sinh năm: 1967, nơi thường trú: Tiểu khu K, thị trấn Nông trường M, huyện M, tỉnh Sơn La) hiện là kế toán UBND xã H. Quá trình điều tra xác định sau khi UBND xã H rút tiền kinh phí hỗ trợ của Công trình 1045 và Công trình 1046 từ Kho bạc Nhà nước M1, bà Nguyễn Thị P2 căn cứ số tiền đã rút để lập các phiếu chi tiền theo quy định. Bà Nguyễn Thị P2 không biết việc bị can Hà Văn T đã tự ý sử dụng tiền hỗ trợ của Công trình 1045 để chi trái quy định, không được bàn bạc, thỏa thuận và không được hưởng lợi ích vật chất gì. Hành vi của bà Nguyễn Thị P2 không cấu thành tội phạm Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ hay tội phạm khác.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Lò Văn H1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện M và bà Nguyễn Thị P2 - Kế toán Ủy ban nhân dân xã H, huyện M nên không chấp nhận kháng cáo về nội dung này.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị cáo Hà Văn T, sửa bản án sơ thẩm: Chuyển hình phạt chính từ tù có thời hạn sang cải tạo không giam giữ.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã tuyên về xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357, khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hà Văn T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 222/2023/HS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 356; Điều 36; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hà Văn T phạm tội: Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Xử phạt bị cáo Hà Văn T 24 (Hai mươi tư) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2023 đến ngày 29/6/2023 là 177 ngày, quy đổi bằng 531 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Hà Văn T còn phải chấp hành 06 (sáu) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam

giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện M, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo Hà Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện M, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát và giáo dục bị cáo; trường hợp thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo khoản 2 Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Hà Văn T đảm nhiệm chức vụ trong cơ quan Nhà nước trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Bị cáo Hà Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 04/01/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Ủy ban nhân dân xã Quy Hướng, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Bị cáo, NCQLNVLQ.
- Phòng KTNV- THA
- Lưu Vp, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cầm Xuân Thủy